|  |
| --- |
| **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021-2022** |

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

**1. Kiến thức**

Đánh giá được mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng giữa học kì I theo ba nội dung: Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn với mục đích đánh giá năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận. Thu thập thông tin để điều chỉnh phương pháp dạy học, cụ thể:

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm, cách thức thực hiện, chức năng và tác dụng của những đơn vị kiến thức cơ bản được học như: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ.

- Hiểu được, nắm vững nội dung nghệ thuật, ý nghĩa các văn bản đã học.

- Biết viết một bài văn miêu tả.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày và diễn đạt ý tưởng khi viết bài.

- Năng lực tự chủ và tự học: Sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh phát huy năng lực sáng tạo trong việc biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

**\* Năng lực đặc thù**

**-**  Năng lực ngôn ngữ: Năng lực đọc hiểu văn bản: Cảm nhận được nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản trong bài để phát triển năng lực đọc hiểu văn bản.

- Năng lực thẩm mĩ: Cảm nhận vẻ đẹp ngôn ngữ, nhận ra những giá trị thẩm mĩ trong văn học. Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào bài làm của bản thân. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

- Trách nhiệm: Qua bài làm học sinh sống có trách nhiệm với những người xung quanh.

**II. Hình thức kiểm tra: Tự luận**

**III. MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ – MÔN NGỮ VĂN 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu | 20 | *5* | 10 | *10* | 10 | *15* | 0 | *0* | 03 | *30* | 40 |
| 2 | Viết bài văn miêu tả | 20 | *10* | 20 | *10* | 10 | *30* | 10 | *10* | 01 | *60* | 60 |
| **Tổng** | | **40** | ***15*** | **30** | *20* | **20** | ***45*** | **10** | ***10*** | **04** | ***90*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **100** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | | **100** | | |

**III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA KÌ MÔN: NGỮ VĂN 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị**  **kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | Đọc hiểu | Đọc hiểu văn bản/đoạn trích thuộc văn bản nghệ thuật (Ngữ liệu trong SGK Ngữ văn 6,  tập 1) | **\* Nhận biết:** Chỉ ra các đơn vị kiến thức trong một đoạn ngữ liệu cụ thể như:  - Nhận diện được tên tác giả, tác phẩm, đoạn trích,…  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể loại, thể thơ, các biện pháp tu từ,...  - Phát hiện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,..trong ngữ liệu.  **\* Thông hiểu:**  - Hiểu nghĩa của từ/câu trong ngữ liệu;  - Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của chi tiết, hình ảnh,…trong ngữ liệu.  - Hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ trong ngữ liệu.  **\* Vận dụng:** Viết đoạn văn hoàn chỉnh cảm nhận về nội dung, ý nghĩa của một chi tiết, hình ảnh, nhân vật,… hoặc tác dụng của biện pháp tu từ. | 1 | 1 | 1 | 0 | 3 |
| **2** | Viết bài văn trải nghiệm | - Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **\* Nhận biết**:  - Kiểu bài: Kể lại một trải nghiệm.  - Phương thức biểu đạt của văn bản: tự sự, kết hợp miêu tả, biểu cảm.  **\* Thông hiểu**:  - Tính liên kế, mạch lạc trong văn miêu tả.  - Cách viết bài văn tự sự.  **\* Vận dụng**: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác cần thiết để tạo lập các đoạn văn tự sự.  **\* Vận dụng cao**: Viết bài văn trải nghiệm thể hiện sự kết nối vấn đề đặt ra trong văn bản với thực tiễn đời sống. |  |  |  |  | 1\* |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **4** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệchung** | | |  | **70** | | **30** | | **100** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUẢNG LẠC** | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I LỚP 6**  **NĂM HỌC 2021-2022** |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **MÔN: NGỮ VĂN**  Thời gian: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề)*  (Đề thi gồm có 1 trang 04 câu) |

**PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (4.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội của mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏbùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Trích sách Ngữ văn 6, tập II)

**Câu 1***(0,5 điểm)*

Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

**Câu 2** *(1,5 điểm)*

Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong đoạn trích.

**Câu 3** *(2,0 điểm)*

Hãy viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu bài học rút ra từ đoạn trích.

**PHẦN II. LÀM VĂN (6.0 điểm)**

Kể lại một trải nghiệm của bản thân em.

**------------- Hết -----------**

Họ và tên thí sinh:.......................................................... SBD:..............................

*Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUẢNG LẠC**  HƯỚNG DẪN CHẤM CHÍNH THỨC  CHÍNH THỨC | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I LỚP 6**  **NĂM HỌC 2021-2022**  **MÔN: NGỮ VĂN**  *Hướng dẫn chấm gồm có 2 trang 04 câu* |

**A. Hướng dẫn chấm chung**

- Giáo viên nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm và không đều tay.Giáo viên cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm.Việc chi tiết hoá điểm số của các câu, các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong nhóm chấm.

- Điểm thành phần và điểm toàn bài làm tròn đến 0.5 điểm. Ví dụ: 6.25 làm tròn 6.5; 6.75 làm tròn 7 điểm.

**B. Hướng dẫn cụ thể**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần/câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần I *Câu1***  *(0,5 điểm)* | - Đoạn văn trên trích trong văn bản ***Bài học đường đời đầu tiên.***  - Tác giả: Tô Hoài. | 0.25  0.25 |
| **Phần I *Câu2***  *(1,5 điểm)* | - Biện pháp tu từ: nhân hóa.  - Tác dụng: Xây dựng nhân vật Dế Mèn sinh động, chân thực như con người, có hành động, có cảm xúc. | 0.5  1. 0 |
| **Phần I**  ***Câu 3***  *(2,0 điểm)* | ***Yêu cầu về kĩ năng:***  *-*Thí sinh biết viết một đoạn văn về ý nghĩa của chi tiết truyện từ 5 đến 7 câu, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.  - Thí sinh bộc lộ suy nghĩ để làm sáng tỏ bài học rút ra sau khi học xong văn bản ***Bài học đường đời đầu tiên.*** | 0.25 |
| ***Yêu cầu về kiến thức*:**  Trên cơ sở hiểu biết về ý nghĩa chi tiết truyện, thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:  **\* HS nêu được suy nghĩ của bản thân bài học rút ra từ văn bản:**  *-* Không được hung hăng, hống hách, kiêu căng, tự phụ.  - Cần làm chủ được bản thân, phải suy nghĩ kĩ trước khi hành động  - Con người cần sống khiêm tốn, biết chia sẻ và yêu thương những người xung quanh.  *\** ***Lưu ý:***  *- Nếu thí sinh có những suy nghĩ, cảm nhận riêng hợp lí thì vẫn được chấp nhận.*  *- Không cho điểm những bài làm có suy nghĩ lệch lạc, tiêu cực.* | 0.5  0,5  0,75 |
| **Phần II** | ***Yêu cầu kĩ năng:***  - Biết cách làm bài văn trải nghiệm với bố cục ba phần hoàn chỉnh, trình bày hợp lí.  - Diễn đạt trong sáng, mạch lạc, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. | 0,5 |
| ***Yêu cầu về kiến thức:***Trên cơ sở những hiểu biết về văn kể về một trải nghiệm, học sinh có thể viết bài theo nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý chính sau: |  |
| **\* Mở bài:**  - Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.  - Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc. | 0,5 |
| **\* Thân bài:**  - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. | 1,0 |
| - Trình bày chi tiết mở đầu trải nghiệm của bản thân. | 1,0 |
| - Trình bày chi tiết diễn biến trải nghiệm của bản thân.  + Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí. | 1,0 |
| + Kết hợp kể và tả, biểu cảm. Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí. | 1,0 |
| **\* Kết bài:** Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân, mong ước cho mọi người. | 0,5 |
| *(****Lưu ý:*** *HS không sai lạc về thể loại. Liên tưởng, tưởng tượng và so sánh, nhận xét trong quá trình miêu tả. Các chi tiết phải được trình bày theo trình tự hợp lí, làm nổi bật được đối tượng miêu tả)* |  |

***Lưu ý:*** *- Điểm toàn bài tính theo thang điểm 10, làm tròn số đến 0,25 điểm.*

*- Cho điểm tối đa khi học sinh trình bày đủ các ý và làm bài sạch đẹp.- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo nội dung cơ bản theo đáp án thì vẫn cho điểm tối đa*

---------Hết---------